

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS-ST
Ngày 27 – 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bầy

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-DS ngày 14/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1954(có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Kim L, sinh năm 1969(có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Kim A, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Huỳnh Văn K trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông Huỳnh Văn K cho bà Lê Kim L vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 29/9/2023, ông cho bà L vay số tiền 20.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng bằng số tiền lãi 1.400.000đ/tháng, lúc vay không viết biên nhận. Quá trình vay, bà L trả được 04 tháng lãi là 5.600.000đ, chưa trả vốn.

Ngày 10/12/2023, ông tiếp tục cho bà L vay 5.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, đóng lãi 300.000đ/tháng, lúc vay không viết biên nhận. Quá trình vay, bà L trả được 04 tháng lãi là 1.200.000đ, chưa trả vốn.

Ông còn cho bà L mượn nhiều lần tổng số tiền 22.000.000đ, không tính lãi, mỗi lần mượn đều không ghi biên nhận. Quá trình vay, bà L chưa trả được khoản vốn nào.

Đến ngày 26/6/2024, bà L viết biên nhận thừa nhận có nợ đối với khoản vay 20.000.000đ ngày 29/9/2023, 5.000.000đ ngày 10/12/2023, và khoản tiền mượn 22.000.000đ.

Ngoài ra, ngày 12/10/2023, ông có cho bà L vay số tiền 20.000.000đ, có biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng bằng số tiền lãi 600.000đ, bà L có viết biên nhận. Quá trình vay, bà L trả được 04 tháng lãi là 2.400.000đ, chưa trả vốn.

Các ngày cho vay tiền và viết biên nhận đều là ngày âm lịch. Việc vay mượn tiền giữa ông và bà L không có thế chấp, cầm cố tài sản gì.

Đến nay, bà L còn nợ ông tổng cộng là 67.000.000đ vốn và lãi phát sinh. Do đó ông yêu cầu bà L thanh toán cho ông số tổng số nợ vốn 67.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai và trình bày của bà Lê Kim L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà thừa nhận vào ngày 29/9/2023, bà có vay của ông K số tiền 20.000.000đ, lãi suất là 7%/tháng, bà đã đóng lãi được 08 tháng, mỗi tháng là 1.400.000đ bằng số tiền 11.200.000đ. Sau đó ông K giảm lãi xuống 5%/tháng và bà đã đóng lãi thêm được 05 tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ bằng số tiền 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 16.200.000đ, chưa thanh toán vốn.

Đến ngày 10/12/2023, bà vay thêm 5.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 300.000đ, bà đã đóng lãi được 06 tháng bằng số tiền 1.800.000đ, chưa thanh toán vốn.

Ngoài ra, vào ngày 20/3/2023, bà vay ông K 10.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, bà đã đóng lãi được 06 tháng bằng số tiền 3.600.000đ.

Đến ngày 26/6/2024, bà tổng hợp các khoản nợ trên và viết thành 01 biên nhận đề ngày 26/6/2024.

Những lần đóng lãi đều không có sổ sách theo dõi hay viết biên nhận đóng lãi. Như vậy, bà vay tổng cộng là 35.000.000đ vốn, đã đóng lãi tổng cộng là 21.000.000đ.

Ngoài ra các khoản vay trên, ông K còn cho bà mượn thêm nhiều lần với số tiền 12.000.000đ. Nên tổng số tiền vốn bà nợ ông K là 47.000.000đ, nay bà đồng ý trả cho ông K tổng số tiền vốn 47.000.000đ.

Riêng đối với số tiền 20.000.000đ thể hiện tại Biên nhận ngày 12/10/2023 mà ông K trình bày là khoản tiền vay 20.000.000đ ngày 29/9/2023 đã được tổng hợp tại Biên nhận ngày 26/6/2024 nên bà không đồng ý trả khoản nợ này cho ông K. Thời gian vay, mượn tiền và viết biên nhận đều là ngày âm lịch.

Theo bản tự khai và trình bày của bà Lê Kim A trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện

Bà và ông Huỳnh Văn K đã ly hôn vào năm 2017 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đương sự số 376 ngày 26/9/2017. Sau khi ly hôn bà và ông K vẫn sống chung nhà tại ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Do

sống chung nhà nên bà biết rõ năm 2023 ông K có cho bà L vay nhiều lần tổng cộng số tiền 35.000.000đ vốn và có cho bà L mượn nhiều lần với số tiền 12.000.000đ. Tổng cộng bà L nợ ông K số tiền 47.000.000đ. Mỗi lần bà L đóng lãi, bà L đều nhờ bà chuyển tiền cho ông K. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền lãi không có giấy tờ hay biên nhận gì chứng minh. Số tiền ông K cho bà L vay mượn là tiền riêng của ông K, không có liên quan đến bà. Do thấy sống chung nhà nên bà L ghi vào biên nhận “có mượn của anh chị” chứ không phải tiền chung của bà và ông K.

Nay ông Huỳnh Văn K khởi kiện bà Lê Kim L bà không có bất kỳ ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, ông K có toàn quyền quyết định đối với tiền ông K cho bà L vay mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu bà L trả tiền vay của ông K, xét thấy,

Tại biên nhận viết tay đề ngày 12/10/2023 có nội dung: “Tôi tên Lê Kim L. Ở ấp B có mượn vợ chồng của anh Huỳnh Văn K – hỏi số tiền là 20.000.000 đồng hai chục triệu đồng, nếu sau này tôi không có trả thì vợ chồng anh K được lấy nhà và đất ruộng của tôi”. Viết họ và tên Lê Kim L.

Tại Biên nhận ngày 26/6/2024 có nội dung: “Tôi tên Lê Kim L có mượn anh K hỏi 20.000.000triệu bằng chữ hai chục triệu ngày 29-9-2023. Lãi sức 7 phân. Sao thêm 5.000 triệu ngày 10-12-2023. Lãi sức 6 phân. Em có mượn anh số tiền 22.000.000 triệu bằng chữ hai mươi hai triệu trong tháng 4 em trả. Ngày 26-6-2024”. Ký và ghi họ tên Lê Kim L.

Ông K và bà L đều thừa nhận cả hai biên nhận nêu trên đều do bà L viết và ký, ghi họ tên. Các ngày giao dịch vay nợ ghi trong biên nhận và ngày viết các biên nhận đều là ngày âm lịch.

Bà L cho rằng khoản nợ 20.000.000đ ghi tại Biên nhận ngày 26/6/2024 là khoản vay 20.000.000đ ghi tại Biên nhận ngày 12/10/2023, hai khoản vay này là một là không có cơ sở, bởi lẽ, tại 02 Biên nhận nợ nêu trên đều thể hiện khoản vay 20.000.000đ nhưng vào các mốc thời gian khác nhau, một khoản vay 20.000.000đ vào ngày 29/9/2023 và một khoản vay 20.000.000đ vào ngày 12/10/2023. Như vậy, căn cứ vào hai biên nhận ngày 12/10/2023 âm lịch và ngày 26/6/2024 âm lịch nêu trên có đủ căn cứ xác định, bà L đã vay của ông K tổng cộng là 67.000.000đ. Bà Kim A xác định đây khoản tiền riêng của ông K, không liên quan đến bà. Vì vậy, bà L phải thanh toán cho ông K tổng cộng vốn theo hai biên nhận này là 67.000.000đ.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh của ông K, xét thấy, việc các đương sự thỏa thuận lãi suất đối với các khoản vay là cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên phải điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

+ Đối với các khoản vay có tính lãi thể hiện tại biên nhận ngày 26/6/2024 âm lịch, tức ngày 31/7/2024 dương lịch:

Đối với khoản vốn 20.000.000đ, lãi được tính từ 29/9/2023 âm lịch, tức ngày 12/11/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2025 với mức lãi suất 20%/năm như sau:

$20.000.000đ \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 5.462.000đ.$

Đối với khoản vốn 5.000.000đ, lãi được tính từ 10/12/2023 âm lịch, tức ngày 20/01/2024 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2025 với mức lãi suất 20%/năm như sau:

$5.000.000đ \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 1.179.500đ.$

+ Đối với khoản vốn 20.000.000đ, lãi được tính từ 12/10/2023 âm lịch, tức ngày 24/11/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2025 với mức lãi suất 20%/năm như sau:

$20.000.000đ \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 5.382.000đ$

Tổng cộng lãi phải thanh toán sau khi được điều chỉnh theo quy định là 12.023.500đ.

Tại phiên, ông K cho rằng bà L đóng được tổng cộng 9.200.000đ lãi, còn bà L cho rằng đã đóng được tổng cộng 21.600.000đ lãi, nhưng không tài liệu, chứng cứ chứng minh, cho nên chấp nhận trình bày của ông K về việc bà L đã đóng lãi được 9.200.000đ. Đối trừ với số tiền lãi phải đóng là 12.023.500đ, bà L phải thanh toán tiếp 2.823.500đ lãi.

Đối với số tiền 22.000.000đ vay nhiều lần thể hiện tại Biên nhận ngày 26/6/2024, các đương sự đều xác định là vay không tính lãi, nay ông K yêu cầu trả tiền vốn, không tính lãi là phù hợp nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng bà L phải thanh toán cho ông K các khoản là 69.823.500đ, trong đó vốn tổng cộng là 67.000.000đ, lãi là 2.823.500đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà L phải chịu đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận. Ông K không phải chịu, đã được miễn đóng tạm ứng án phí nên không đặt ra hoàn trả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K.

Buộc bà Lê Kim L thanh toán cho ông Huỳnh Văn K tổng các khoản là 69.823.500đ (Sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng chẵn), trong đó vốn là 67.000.000đ, lãi là 2.823.500đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà L phải nộp 3.491.000đ (chưa nộp).

Ông K không phải nộp, đã được miễn dự nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh